

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Số: 633/CV-HVQLGD

V/v: Báo cáo công khai năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện Quản lý giáo dục báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo: Báo cáo công khai năm 2024 của Học viện (có Báo cáo kèm theo).

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu P.TCHC; P. ĐBCLGD&TT.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Phạm Văn Thuận

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục**

Tiếng Việt: Học viện Quản lý Giáo dục

Tiếng Anh: National Academy of Education Management

Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HVQ

Tiếng Anh: NAEM

**2. Địa chỉ**

Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.864.3352

Website: [www.naem.edu.vn](http://www.naem.edu.vn)

**3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Công lập       Bán công       Dân lập       Tư thục

Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

**4.1. Sứ mạng**

Học viện Quản lý giáo dục là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tư vấn về quản lý giáo dục, cung cấp nguồn cán bộ

lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực có chất lượng cao trong và ngoài ngành giáo dục, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

#### **4.2. Tầm nhìn**

Học viện Quản lý giáo dục phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành với ưu thế cốt lõi là quản lý giáo dục và các ngành có liên quan mật thiết với giáo dục; hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo và phát triển nguồn cán bộ quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng hiện đại của Việt Nam và thế giới.

#### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Học viện Quản lý giáo dục được thành lập theo Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo được thành lập ngày 01/10/1976. Học viện là một trong 5 đơn vị sự nghiệp trực thuộc phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT tạo (Bộ GDĐT).

Với 45 năm xây dựng và phát triển, Học viện Quản lý giáo dục đã góp phần xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về khoa học giáo dục, nhất là khoa học quản lý giáo dục Việt Nam; tham mưu tư vấn và triển khai ứng dụng khoa học quản lý, quản trị nhà trường cho hệ thống các trường, khoa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ QLGD trong toàn quốc; nghiên cứu đánh giá tác động của các chủ trương, chính sách và các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viện đã trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức ngành giáo dục cả nước góp phần nâng cao năng lực quản lý, năng lực tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng làm cốt lõi, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trên tất cả các phương diện và lĩnh vực hoạt động. Hiện nay, các hoạt động chuyên môn của Học viện được phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, công tác nghiên cứu khoa học đạt được những thành tựu đáng kể, các hoạt động liên kết với nước ngoài ngày càng mở rộng, hiệu quả nhằm mục đích ngày càng nâng cao hơn nữa vị thế đưa Học viện giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín trên cả nước.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn, hoặc người đại diện để liên hệ**

Họ và tên: PGS.TS. Phạm Văn Thuần; Chức vụ: Giám đốc Học viện.

Địa chỉ: Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Email: [thuanpv@vnu.edu.vn](mailto:thuanpv@vnu.edu.vn); số điện thoại: 0243 6 648 718. ✓

#### **7. Tổ chức bộ máy**



a. Quyết định số 501/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/04/2006 về việc thành lập Học viện Quản lý giáo dục.

b. Quyết định số 2838/QĐ-BGDĐT ngày 7/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 21/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận thành viên Hội đồng trường Học viện QLGD nhiệm kỳ 2020-2025.

c. Quyết định số 1099/QĐ-BGDĐT ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận PGS.TS. Phạm Văn Thuận, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 28/QĐ-HĐHV ngày 21/12/2021 và Quyết định số 29/QĐ-HĐHV của Hội đồng Học viện về việc bổ nhiệm TS. Phan Hồng Dương và TS. Phùng Thị Lý Hằng giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020-2025 theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện.

- Quyết định số 27/QĐ-HĐHV ngày 21/12/2021 của Hội đồng Học viện về việc bổ nhiệm lại PGS.TS Trần Hữu Hoan giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020-2025 theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện.


d. Quyết định số 12/QĐ-HĐHV ngày 30/12/2020 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục.

Quyết định số 16/QĐ-HĐHV ngày 02/7/2021 của Hội đồng Học viện về việc sửa đổi Khoản 2 Điều 31 Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục .

đ. Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và Thanh tra thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Quản lý khoa học, Hợp tác quốc tế và Tạp chí thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ liên hệ, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ sở giáo dục 

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
<b>1. Ban Giám đốc</b>				
Giám đốc	Phạm Văn Thuận	PGS.TS, Giám đốc Học viện	0243.6648718	<a href="mailto:thuanpv@vnu.edu.vn">thuanpv@vnu.edu.vn</a>
Phó Giám đốc	Trần Hữu Hoan	PGS.TS, Phó Giám đốc Học viện	0903252242	<a href="mailto:hoanth@niem.edu.vn">hoanth@niem.edu.vn</a>
	Phan Hồng Dương	TS, Phó Giám đốc Học viện	0913001252	<a href="mailto:phanhongduong@gmail.com">phanhongduong@gmail.com</a>
	Phùng Thị Lý Hằng	TS, Phó Giám đốc Học viện	0903213170	<a href="mailto:hangp170@gmail.com">hangp170@gmail.com</a>
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b>				
Đảng ủy	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐHV	0935983268	<a href="mailto:hangntt@niem.edu.vn">hangntt@niem.edu.vn</a>
Công đoàn	Phạm Thùy Thu	ThS, Chủ tịch Công đoàn Học viện	0912075615	<a href="mailto:thuphamthuynaem@gmail.com">thuphamthuynaem@gmail.com</a>
Đoàn TN Học viện	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sỹ Bí thư Đoàn TN	0988625891	<a href="mailto:huyhoangpv@gmail.com">huyhoangpv@gmail.com</a>
<b>3. Các phòng, ban chức năng</b>				
Phòng TC-HC	Đỗ Tiến Sỹ	PGS.TS. Trưởng phòng	0912491759	<a href="mailto:dotiensy73@yahoo.com">dotiensy73@yahoo.com</a>
	Đào Thị Ngọc Ánh	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0985607688	<a href="mailto:daongocanhkt30d@gmail.com">daongocanhkt30d@gmail.com</a>
Phòng KH-TC	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sỹ Trưởng phòng	0912293748	<a href="mailto:guichohong@gmail.com">guichohong@gmail.com</a>
	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ Phó Trưởng phòng	0968863646	<a href="mailto:hiennguyen@moet.edu.vn">hiennguyen@moet.edu.vn</a>
	Đặng Thu Thủy	Tiến sỹ Kế toán trưởng	0983104643	<a href="mailto:dangthuyhvql@gmail.com">dangthuyhvql@gmail.com</a>



Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Phòng Quản trị- Thiết bị	Phạm Thùy Thu	Thạc sỹ Trưởng phòng	0912075615	thuphamthuynaem@gmail.com
	Nguyễn Xuân Cầm	Kỹ sư Phó Trưởng phòng	0912575691	camqlgd@gmail.com
	Trần Thị Diệu Nga	Thạc sỹ Phó Trưởng phòng	0964225583	dieunga.hvqlgd@gmail.com
Phòng QLĐT,GDCT &CTSV	Đặng Thị Thanh Thảo	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0982107575	thaodangthanh@gmail.com
Phòng QLKH,HTQT &Tạp chí	Hà Thanh Hương	Tiến sỹ Trưởng phòng	0912440989	huonght.naem@gmail.com
	Nguyễn Thị Thi	Tiến sỹ Tổng biên tập	0983503005	thihoanhieu@yahoo.com
Phòng ĐBCLGD & Thanh tra	Lê Thị Thúy Nga	Tiến sỹ Trưởng phòng	0988076949	ngahvql@gmail.com
	Đặng Thị Kim Dung	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0912183938	dtkdung.hvq@moet.edu.vn
<b>4. Các trung tâm/viện trực thuộc</b>				
Trung tâm CNTT – Thư viện	Lê Thành Kiên	Thạc sỹ Giám đốc Trung tâm	0904287885	tccb_niem@yahoo.com
	Đinh Thị Ngọc Oanh	Thạc sỹ Phó Giám đốc Trung tâm	0912599977	oanh.niem@gmail.com
Trung tâm BDNG&CBQL	Phạm Quang Trình	PGS.TS, Giám đốc Trung tâm	0913577588	trinhpqdhv@yahoo.com
	Vũ Duy Hiền	Tiến sỹ Phó Giám đốc	0913039130	hienvuduy66@gmail.com
Trung tâm TTĐTLD&CBQL	Hoàng Thị Ái Vân	Tiến sỹ Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm	0913583885	ms_aivan@yahoo.com.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Trung tâm Ngoại ngữ & Văn hoá quốc tế	Phùng Thị Lý Hằng	Tiến sỹ Phó Giám đốc HV (kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm)	0903213170	<a href="mailto:hangp170@gmail.com">hangp170@gmail.com</a>
Viện Nghiên cứu Khoa học QLGD	Trình Thanh Hà	Tiến sỹ Phó Viện trưởng phụ trách	0902531167	<a href="mailto:hatt@niem.edu.vn">hatt@niem.edu.vn</a>
<b>5. Các khoa/viện đào tạo, tổ</b>				
Khoa Quản lý	Lê Thị Ngọc Thúy	Tiến sỹ Trưởng khoa	0936019768	<a href="mailto:austeduvic@gmail.com">austeduvic@gmail.com</a>
Khoa Tâm lý - GD	Hoàng Trung Học	Tiến sỹ Trưởng khoa	0914335199	<a href="mailto:hoangtrunghoctlgd@gmail.com">hoangtrunghoctlgd@gmail.com</a>
	Cao Xuân Liễu	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0908372345	<a href="mailto:caoxuanlieu@gmail.com">caoxuanlieu@gmail.com</a>
Khoa CNTT & Truyền thông	Đỗ Viết Tuấn	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa phụ trách	0914625305	<a href="mailto:doviettuan80@yahoo.com">doviettuan80@yahoo.com</a>
Khoa Ngoại ngữ	Phan Hồng Dương	Tiến sỹ Phó Giám đốc Học viện kiêm nhiệm Trưởng khoa	0913001252	<a href="mailto:phanhongduong@gmail.com">phanhongduong@gmail.com</a>
	Đỗ Thanh Tú	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0903286778	<a href="mailto:tukutelam@gmail.com">tukutelam@gmail.com</a>
Khoa Cơ bản	Nguyễn Thị Hương	Tiến sỹ Trưởng khoa	0906072074	<a href="mailto:huongsun1411@yahoo.com">huongsun1411@yahoo.com</a>
	Hoàng Thị Tâm	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0982279004	<a href="mailto:hoangtamhd09@gmail.com">hoangtamhd09@gmail.com</a>

### 8. Các văn bản của Học viện

- Quyết định số 20/QĐ-HĐHV ngày 25/8/2021 về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035.
- Quyết định số 04/QĐ-HĐHV ngày 13/01/2021 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục.
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐHV ngày 01/03/2024 về việc thông qua Phương hướng tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ năm 2024 của Học viện QLGD.



- Nghị quyết số 21/NQ-HĐHV ngày 23/10/2023 về việc thống nhất chủ trương phê duyệt phương án phân loại tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập gia đoạn 2023-2025 của Học viện QLGD.

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	16,6%	12,3%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	56,1%	55,3%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	55,2 %	30,8%

### 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
<b>1</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	<b>37</b>	<b>50</b>	<b>05</b>	<b>02</b>
	Lĩnh vực quản lý giáo dục	28	0	05	20	3	0
	Lĩnh vực giáo dục học	7	0	01	06	02	01
	Lĩnh vực CNTT	13	0	07	06	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	9	0	06	03	0	0
	Lĩnh vực kinh tế học giáo dục	9	0	03	6	0	0
	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	23	0	14	09	0	0
<b>2</b>	<b>Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	<b>37</b>	<b>50</b>	<b>05</b>	<b>02</b>
	Lĩnh vực quản lý giáo dục	28	0	05	20	03	0
	Lĩnh vực giáo dục học	07	0	01	06	02	01
	Lĩnh vực CNTT	13	0	07	06	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	09	0	06	03	0	0
	Lĩnh vực kinh tế học giáo dục	09	0	03	06	0	01
	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	23	0	14	09	0	0

### 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	04	12
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	64	72



3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	78,2%	115,1%
---	--	-------	--------

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
1	Diện tích đất/người học (m <sup>2</sup> )	9,478 m <sup>2</sup> /người	10,434 m <sup>2</sup> /người
2	Diện tích sàn/người học (m <sup>2</sup> )	8,070 m <sup>2</sup> /người	3,56 m <sup>2</sup> /người
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo:	17.938/9 ngành đào tạo	16.697/9 ngành đào tạo
5	Số bản sách/người học	30.159/1837 (16 bản/người học)	26.862.000 bản
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps): Tổng số có 04 đường FTTH; tốc độ 100Mb.		

#### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở chính	Tại khu vực số 31 và số 62, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	17.411,6 (m <sup>2</sup> )	14.826 (m <sup>2</sup> )
2	Cơ sở	Không		
3	Phân hiệu	Không		
<b>Tổng cộng</b>			<b>17.411,6 (m<sup>2</sup>)</b>	<b>14.826 (m<sup>2</sup>)</b>

#### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm: Không.

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm <sup>11</sup>	Kinh phí (tr.đ)
----	-----------------	------------------------	-----------------

1	Xây mới tòa nhà...		
2	Nâng cấp tòa nhà...		
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
<b>Tổng cộng</b>			

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội (VNU-CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Mức độ đạt kiểm định: tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 80,3%.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

- Kiểm định chu kỳ 2 (đang thực hiện): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA Thăng Long).

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định: Đang thực hiện.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	8140114	Quản lý giáo dục	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2024
2	7310403	Tâm lý học giáo dục	Cử nhân Tâm lý học GD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2024

#### V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

##### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	63.87 %	70.43%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	113.32%	107.20%
3	Tỷ lệ thôi học	3.90%	8.72%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0.94%	5.73%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	90.82%	90.08%



6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	91,2%	90,99%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	90,66%	90,04%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	91,1%	90,37%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	91,3%	90,8%

## 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm học 2023-2024

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
<b>I</b>	<b>Đại học</b>				
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực 1</b>				
	Chính quy	1700	426	164	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>				
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ (và trình độ tương đương)</b>				
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>108</b> (13 học viên Lào)	<b>68</b> (11 học viên Lào)	<b>262</b>	
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>				
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>				
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>29</b> (01 NCS Lào)	<b>06</b>	<b>12</b>	
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>				

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,7 bài/giảng viên	1,7 bài/giảng viên
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	34,48%	24,39%

## 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	01	400 triệu đồng
3	Đề tài cấp cơ sở	14	210 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	
	<b>Tổng số</b>	15	

## 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	114 bài	112 bài
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	30 bài	20 bài
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	33 sách, giáo trình	37 sách, giáo trình
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH



## 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề báo cáo (2023)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	17%	12%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	1%	11%

## 2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>69,159</b>	<b>86,150</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	<b>21,522</b>	<b>22,000</b>
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	<b>47,637</b>	<b>64,150</b>
1	Học phí, lệ phí từ người học	15,017	25,354
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	32,620	38,796
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>53,209</b>	<b>62,630</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	<b>23,297</b>	<b>22,117</b>
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	15,224	12,025

2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	8,073	10,092
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>9,195</b>	<b>6,925</b>
1	Chi cho đào tạo	3,102	1,373
2	Chi cho nghiên cứu	1,520	1,001
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	4,591	4,578
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>	<b>1,282</b>	<b>1,950</b>
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	961	1,689
2	Chi hoạt động nghiên cứu	321	261
3	Chi hoạt động khác		
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>19,436</b>	<b>31,611</b>
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>15,950</b>	<b>23,520</b>

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC: Không.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS Phạm Văn Thuận